|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂNTỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……/2021/QĐ-UBND |  *Trà Vinh, ngày tháng năm 2022* |

**DỰ THẢO**

 **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên**

**thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngảy 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

 *Căn cứ Luật Thuế tài nguyên ngày 25 tháng 11 năm 2009;*

 *Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

 *Căn cứ Nghị định số 50/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 174/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 6 Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-BTC ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 44/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

 **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết địnhnày quy định về giátính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, các đơn vị có liên quan và tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 3.** **Giá tính thuế tài nguyên**

1. Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2023 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đính kèm theo Quyết định này; giá tính thuế tài nguyên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và chi phí vận chuyển.

2. Bảng giá tính thuế tài nguyên quy định tại khoản 1 Điều này là cơ sở để các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thực hiện việc kê khai, tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên, nộp thuế tài nguyên; là căn cứ để cơ quan thuế tính toán, xác định mức thu, quản lý thu thuế tài nguyên.

3. Đối với nội dung và các loại tài nguyên khác phát sinh không được quy định trong bảng giá tính thuế tài nguyên kèm theo Quyết định này thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC, Thông tư số 174/2016/TT-BTC, Thông tư số 44/2017/TT-BTC và Thông tư số 05/2020/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên theo quy định; cung cấp cho Cục Thuế tỉnh danh sách các tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

b) Theo dõi, rà soát các loại tài nguyên, khoáng sản có phát sinh khai thác trên địa bàn tỉnh, thông báo cho Sở Tài chính để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh Bảng giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm niêm yết công khai bảng giá tính thuế tài nguyên tại trụ sở cơ quan thuế, tổ chức triển khai thu thuế tài nguyên và các loại thuế, phí có liên quan theo quy định.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Quyết định này; chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giá tính thuế tài nguyên cho phù hợp với biến động của thị trường, phù hợp theo khung giá của Bộ Tài chính và đúng theo quy định.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Quyết định này thay thế Quyết định số 32/2021/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh Quy định giá tính thuế tài nguyên đối với tài nguyên thiên nhiên năm 2022 trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân Tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Cục KTVB - Bộ Tư pháp; - Các Bộ: Tài chính, TN&MT;- TT.TU, TT.HĐND tỉnh; - CT và các PCT.UBND tỉnh; - Như Điều 6;- LĐVP, các phòng; - Lưu VT,NN. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |
|  |  |